TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1826/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Ông Bùi Quang Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5419/2018/QĐXX-ST ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Thường trú: 120/5A Lê Văn T, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố H.
Địa chỉ liên hệ: 33E Thống Nhất, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Phong Ch**, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Quốc tịch: Hoa Kỳ.
Cư trú: 2715 Soloma Street, Haltom City, TX 76117 - 0000, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2018 và bản tự khai - bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phong Ch kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 17/10/2017. Sau khi kết hôn ông Ch quay về Hoa Kỳ làm việc, bà H tiếp tục ở lại Việt Nam sinh sống. Do khoảng cách địa lý xa nên ít gặp nhau, vợ

chồng bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng sống xa cách nên không thể thông cảm, chia sẻ với nhau. Trong suốt thời gian qua vợ chồng đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phong Ch.

Về việc nuôi con: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2018 - ông Nguyễn Phong Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Tuyết H kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 17/10/2017. Do khoảng cách địa lý xa nên ít gặp nhau, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng sống xa cách nên không thể thông cảm, chia sẻ với nhau. Trong suốt thời gian qua vợ chồng đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay ông xác định không còn tình cảm với vợ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đồng ý với yêu cầu được ly hôn của bà Trần Thị Tuyết H.

Về việc nuôi con: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Ông Nguyễn Phong Ch và bà Trần Thị Tuyết H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết H đối với ông Nguyễn Phong Ch.

+ Về việc nuôi con: Không có.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 19/01/2018, bà Trần Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phong Ch. Ông Nguyễn Phong Ch hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Phong Ch và bà Trần Thị Tuyết H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phong Ch và bà Trần Thị Tuyết H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 17/10/2017, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Ch và bà H đều thừa nhận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do cuộc sống xa cách nên không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, cả hai đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, có cơ sở xác định ông Ch và bà H đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông Ch.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Phong Ch.
- Về việc nuôi con: Không có.
- Về chia tài sản: Không có.
- Về nợ: Không có.

2. Bà Trần Thị Tuyết H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0048755 ngày 31/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí.

3. Bà Trần Thị Tuyết H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Nguyễn Phong Ch có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM ;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- UBND quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình